TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số:08/2018/DS -ST
Ngày:17/4/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Ông Bùi Quang Phú
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.
Trong các ngày 26 tháng 3 năm 2018 và 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:
1. *Nguyên đơn*: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981
Trú tại: 78/20 Hoàng Văn Hợp, phường An Lạc A, quận Bình Tân, T.p Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo văn bản ủy quyền số 252/2017 ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước (có mặt).
2. *Bị đơn*:
- Ông Ngô Văn Ch, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn Ch: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1979.
Trú tại: Ấp Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Văn Ch (Theo văn bản ủy quyền số 01/2017 ngày 30/01/2018 của Ủy ban nhân xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (có mặt ngày 26 tháng 3, vắng mặt ngày 17 tháng 4 năm 2018 không có lý do)

- Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1979 (có mặt ngày 26 tháng 3, vắng mặt ngày 17 tháng 4 năm 2018 không có lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phướb

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị Lê Th, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp Thành, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

4. *Người làm chứng*:

4.1 Bà Thượng THị Ch, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

4.2 Bà Lưu Yến L, sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 22 tháng 10 năm 2010 ông Lưu Văn T có cho vợ chồng ông Ngô Văn Ch và bà Nguyễn Thị Hải Y vay số tiền 300.000.000đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 02/11/2010, khi vay có lập giấy tờ vay do Bà Y và Ông Ch ký tên. Khi cho vay không thỏa thuận lãi suất, Ông Ch và Bà Y đã trả được số tiền gốc 125.000.000đồng, cụ thể trả vào ngày 07/12/2010 trả 45.000.000đồng, ngày 12/12/2010 trả 30.00.000đồng; ngày 14/12/2010 trả 30.000.000đồng; ngày 24/12/2010 trả được số tiền 20.000.000đồng. Còn lại số tiền 175.000.000đồng đến nay Ông Ch và Bà Y vẫn chưa trả cho Ông T. Nay Ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Ngô Văn Ch liên đới trả số tiền nợ còn thiếu là 175.000.000đồng không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 26 tháng 3 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày: Bà Y và Ông Ch có vay của ông Lưu Văn T số tiền 300.000.000đồng vào ngày 22/10/2010, khi vay có lập giấy tờ vay do Bà Y và Ông Ch ký tên, từ khi vay đến nay đã trả được số tiền 125.000.000đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền 175.000.000đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 600.000đồng/01ngày/tổng số tiền tiền vay là 300.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất là bằng lời nói, không lập giấy tờ, Bà Y cho rằng bà vay tiền của Ông T là vay cho chị gái tên Nguyễn Thị Lê Th, hiện nay Bà Y không có khả năng trả hết số tiền trên nên Bà Y xin được chuyển tòa bộ số tiền nợ trên cho Bà Th để Bà Th trả cho Ông T. Việc trả lãi cũng doBà Th tự trả cho Ông T chứ Bà Y thì không trả, Bà Y chỉ trả một lần 5.000.000đồng cho con gái của Ông T tên là Yến Linh, khi trả không lập giấy tờ gì, khi trả tiền gốc cũng doBà Th trả chứ Bà Y không trực tiếp trả.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Lê Th trình bày: Số tiền 300.000.000đồng hiện nay Ông Ch và Bà Y nợ của Ông T là do Ông Ch và Bà Y vay

choBà Th để trả nợ. Khi vay thì chỉ có Ông Ch và Bà Y đứng ra vay với Ông T chứBà Th không có mặt lúc vay mượn, nhưngBà Th là người trả lãi và trả 125.000.000đồng tiền gốc, việc thỏa thuận lãi suất là do Bà Y và Ông Ch tự thỏa thuận với Ông T, Bà Th chỉ nghe nói lại lãi suất 600.000đồng/ngày trên tổng số tiền vay 300.000.000đồng,Bà Th cho rằng đã trả lãi được hơn một năm, cụ thể trả trả bao nhiêu lần không nhớ, chỉ nhớ hai lần, một lần trả được 19.600.000đồng và một lần là 12.600.000đồng và một lần nữa do Bà Y trả là 5.000.000đồng, sau đó do kinh tế khó khăn nên không trả được, khi trả lãi thì không lập giấy tờ gì. NayBà Th đồng ý đứng ra trả số tiền nợ còn thiếu lại cho Ông T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử được chấp hành đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành quy định pháp luật của thư ký tòa án được chấp hành đúng quy định tại Điều 51 và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 256, Điều 471, Điều 474, Điều 478 BLDS năm 2005.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Ngô Văn Ch liên đới trả cho ông Lưu Văn T số tiền nợ còn thiếu là 175.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa người làm chứng bà Thượng THị Ch vắng mặt, tuy nhiên qua buổi làm việc tại Tòa án ngày 30 tháng 3 năm 2018 bà Thượng THị Ch trình bày: Bà Ch là vợ của Ông T, qua lời khai của Bà Y,Bà Th cho rằng khi cho vay có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, tức là lãi suất 600.000đồng/01 ngày trên tổng số tiền vay 300.000.000đồng,Bà Th đã trả được tiền lãi hơn một năm, trả nhiều lần, không nhớ cụ thể nhưng chỉ nhớ trả được hai lần, một lần 19.600.000đồng và một lần là 12.600.000đồng, khi trả là trả cho Bà Ch, nhưng Bà Ch cho rằng mọi việc làm ăn là do Ông T đứng ra giao dịch, giấy tờ do Ông T viết, Bà Ch không nhận số tiền lãi trên.
- Tại phiên tòa người làm chứng là bà Lưu Yến L vắng mặt, tuy nhiên qua buổi làm việc tại Tòa án ngày 02/4/2018 bà Lưu Yến L trình bày: Bà L là con gái của Ông T, Bà L không nhận số tiền lãi 5.000.000đồng như phía Bà Y trình bày, mọi công việc làm ăn do Ông T thực hiện, Bà L không nhận cũng không biết số tiền bao nhiêu, nhận tiền gì và thời gian nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là vào ngày 22 tháng 10 năm 2010 ông Lưu Văn T có cho vợ chồng ông Ngô Văn Ch và bà Nguyễn Thị Hải Y vay số tiền 300.000.000đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 02/11/2010, khi vay có lập giấy tờ vay do Bà Y và Ông Ch ký tên. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Bà Y cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lê Th đều cho rằng Bà Y và Ông Ch còn thiếu lại số tiền 175.000.000đồng vẫn chưa trả cho Ông T mặc dù đã quá thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, Bà Y cho rằng việc vay mượn là vay cho chị gái làBà Th,Bà Th cũng thừa nhận việc vay tiền là vay cho bà nênBà Th là người có nghĩa vụ trả số tiền 125.000.000đồng tiền gốc và trả lãi. Tại phiên tòaBà Th đồng ý trả hết số tiền này cho Ông T. Tuy nhiên về phía nguyên đơn không thống nhất việc vay mượn là vay choBà Th và không đồng ý đểBà Th trả nợ. Nay Ông T yêu cầu Ông Ch và Bà Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông T số tiền nợ còn thiếu là 175.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy khi thỏa thuận vay tiền và nhận tiền vay chỉ có vợ chồng Bà Y và Ông Ch đứng ra vay, nhận tiền vay và ký giấy vay tiền. Bên nguyên đơn không biết và cũng không thỏa thuận là Bà Y đi vay hộ choBà Th. Mặc dù phía Bà Y vàBà Th đều thừa nhận làBà Th nhờ Bà Y đi vay tiền hộ, đồng thời đồng ý trả số tiền còn nợ cho Ông T nhưng bên phía Ông T không đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Ch và Bà Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông T số tiền nợ còn thiếu là 175.000.000đồng.

[2] Về lãi suất: Bị đơn Bà Y cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanBà Th cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất là 6.00.000đồng/01ngày/tổng số tiền vay 300.000.000đồng, đã trả được hơn một năm, không nhớ cụ thể nhưng nhớ hai lần trả, một lần trả được 19.600.000đồng và một lần trả được là 12.600.000đồng, và một lần do Bà Y trả 5.000.000đồng, khi trả tiền lãi đều không lập giấy tờ. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận, phía nguyên đơn cho rằng khi vay không thỏa thuận lãi suất. Mặt khác qua lấy lời khai của người làm chứng là Bà Ch là vợ của Ông T và con gái của Ông T là bà Lưu Yến L thì Bà Ch và Bà L đều cho rằng việc vay mượn và thỏa thuận như thế nào đều do Ông T đứng ra vay mượn, Ông T là người đứng ra giao dịch, Bà Ch và Bà L đều không nhận số tiền lãi như phía Bà Y và Thúy khai. Do vậy, lời khai của Bà Y vàBà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận do không có chứng cứ chứng minh khi vay có thỏa thuận lãi suất cũng như không có chứng cứ chứng minh đã trả được tiền lãi như Bà Y vàBà Th đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòaBà Th cũng như Bà Y không có yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền lãi mà bà đã trả cho Ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí Tòa án thì "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*".

Như vậy, bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Ngô Văn Ch phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của ông Lưu Văn T được Tòa án chấp nhận là 175.000.000đồng x 5% = 8.750.000đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Lưu Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Ngô Văn Ch phải liên đới trả cho ông Lưu Văn T số tiền nợ còn thiếu là 175.000.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Ngô Văn Ch phải liên đới chịu 8.750.0000đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm. Ông Lưu Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh hoàn trả cho ông Lưu Văn T số tiền 4.375.000đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005574 ngày 06 tháng 12 năm 2017.

3/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự mà người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**